

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2020/DS-PT  
Ngày 28/4/2020  
V/v Tranh chấp quyền sử dụng  
đất, yêu cầu di dời tài sản trên  
đất và hủy Giấy chứng nhận  
quyền sử dụng đất.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Cao Đức Chiến

*Các Thẩm phán:* Ông Lộc Sơn Thái

Ông Chu Long Kiếm

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Thanh Xuân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa:*** Bà Nông Thị Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 03/2020/TLPT-DS ngày 06 tháng 01 năm 2020 về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất, yêu cầu bồi thường thiệt hại và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 07/2019/DS-ST ngày 21/11/2019 của TAND huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 33/2020/QĐ-PT ngày 25 tháng 02 năm 2020, Thông báo chuyển ngày xét xử số 14/TB-TDS ngày 12/3/2020 và số 42/TB-TDS ngày 31/3/2020 giữa các đương sự:

***-Nguyên đơn:*** Ông Dương Đức C, sinh năm 1947. Địa chỉ: Thôn L, xã Đ, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt

***Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:*** Bà Chu Bích T- Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt

***- Bị đơn:*** Chị Trần Thị Y, sinh năm 1972. Địa chỉ: Thôn L, xã Đ, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt

***- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

***- Bà Dương Thị N, sinh năm 1958. Anh Dương Đức L, sinh năm 1981. Anh Dương Đức B, sinh năm 1986. Anh Dương Công H, sinh năm 1977. Chị Bàn Thị H,***

sinh năm 1984. Chị Dương Thị S, sinh năm 1988. Chị Dương Thị N, sinh năm 1984. Đều có nơi cư trú: Thôn L, xã Đ, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Đều vắng mặt.

- Chị Dương Thị L, sinh năm 1983; nơi cư trú: Thôn B, xã Đ, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt

- Người đại diện theo ủy quyền của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Dương Thị N, anh Dương Đức L, anh Dương Đức B, Dương Công Hiệp, chị Bàn Thị H, chị Dương Thị S, chị Dương Thị N và chị Dương Thị L là ông Dương Đức C, sinh năm 1947; địa chỉ: Thôn L, xã Đ, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

- Anh Lương Đình H, sinh năm 1993. Chị Lương Đình H, sinh năm 1995. Đều có nơi cư trú: Thôn L, xã Đ, huyện B, tỉnh Lạng Sơn.

Người đại diện theo ủy quyền của anh Lương Đình H và chị Lương Đình H là chị Trần Thị Y; địa chỉ: Thôn L, xã Đ, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt

- Ủy ban nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn: Người đại diện ông Lộc Quang C, Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt

- *Người làm chứng:*

- Bà Hoàng Thị N, sinh năm 1942. Bà Lương Thị N, sinh năm 1945. Bà Lương Thị D, sinh năm 1931. Bà Lương Thị D, sinh năm 1941. Ông Nguyễn Văn T. Đều có nơi cư trú: Thôn L, xã Đ, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Đều vắng mặt

- *Người giám định:* Ông Hoàng Văn T, Giám định viên tư pháp theo vụ việc về lĩnh vực chuyên ngành đo đạc bản đồ, thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lạng Sơn. Địa chỉ: đường L, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt

- *Người kháng cáo:* Ông Dương Đức C là nguyên đơn trong vụ án;

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo Bản án sơ thẩm và tài liệu có trong hồ sơ, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Nguyên đơn ông Dương Đức C trình bày: Đất tranh chấp có địa danh là Vò Chè thuộc Thôn L, xã Đ, huyện B có nguồn gốc là của ông Lương Đình Đ (đã chết) trồng thành vườn chè, đến năm 1960 thì bỏ hoang. Ông Lương Đình Đ là chú của ông Lương Đình M (ông M là bố chồng của chị Trần Thị Y). Năm 1960 có 04 gia đình đều canh tác (gồm gia đình ông Dương Đức C, gia đình bà Dương Thị Đ, Dương Công Q và ông Lương Đình M bố chồng chị Y), trong đó có gia đình ông trồng lúa nương, khoai sọ và sắn. Đến năm 1978 các gia đình đều bỏ hoang. Năm 1996 ông được nhà nước giao hồ sơ giao quyền quản lý và sử dụng rừng và đất trồng rừng tại lô số 300, diện tích 1,0 ha. Những năm 1997, 1998, 1999 Nhà nước giao cây cho dân trồng cây theo dự án PAM, vào năm 1997 gia đình ông trồng cây một bên, gia đình chị Trần Thị Y trồng cây một bên. Lúc chị Trần Thị Y trồng cây vào đất của ông thì ông không biết vì lúc đó ông đang đi chấp hành án phạt tù 18 tháng đến cuối năm 1999 mới về và mới biết là nhà chị Trần Thị Y đã trồng cây vào đất của ông. Ngày 28/02/2000 ông được Ủy ban nhân dân huyện Bắc Sơn cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa số 337, tờ bản đồ 01, diện tích 10.000 m<sup>2</sup>. Cuối năm 2008 hai bên xảy ra tranh chấp, ông đã yêu cầu xã Đồng

Ý giải quyết, năm 2009 sau khi xã tiến hành xác minh và kiểm tra bản đồ ông mới đi phát dọn khu đất và ông được phát cả các cây do gia đình chị Trần Thị Y trồng (cụ thể phát bao nhiêu cây và gồm những cây nào thì ông không biết). Sau khi xảy ra tranh chấp, từ năm 2009 ông là người canh tác quản lý, hằng năm ông vẫn trồng các cây quýt, keo, mỡ, bạch đàn, trám trắng nhưng đều bị phá nhỏ đi, hiện nay trên đất vẫn còn một số cây keo, mỡ, bạch đàn, trám, quýt... (không biết rõ số lượng). Ông cho rằng tất cả các cây trồng trên đất tranh chấp hiện nay đều là của ông. Ông khẳng định diện tích đất tranh chấp 1866m<sup>2</sup> thuộc một phần thửa số 162, tờ bản đồ 02, nằm trong thửa đất số 337, tờ bản đồ 01, diện tích 10.000 m<sup>2</sup> đã được Ủy ban nhân dân huyện Bắc Sơn cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông. Do đó ông không yêu cầu Tòa án Trung cầu giám định bản đồ. Tháng 12 năm 2018, gia đình chị Trần Thị Y tiến hành đào ao, mức đất tại chỗ đất đang tranh chấp làm mất đất và một số cây trồng của ông, gia đình chị Trần Thị Y mức đất nhưng ông không có văn bản nào để cung cấp cho Tòa án về việc chị Trần Thị Y đào ao mức đất để nộp cho Tòa án. Nay ông C yêu cầu chị Trần Thị Y chấm dứt việc tranh chấp đất và bồi thường thiệt hại về việc chị Trần Thị Y mức đất là 150.000.000 đồng.

*Bị đơn chị Trần Thị Y trình bày:*

Đất tranh chấp giữa chị với ông Dương Đức C có tên gọi là Vò Chè, thuộc Thôn L, xã Đ, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Về nguồn gốc đất tranh chấp có nguồn gốc là của gia đình chị, từ đời ông nội của chồng chị tên là ông Lương Đình M đã canh tác, sau đó đến đời bố chồng chị là ông Lương Đình M cũng canh tác trồng cây chè, cây hồi (hiện nay các ông đều đã chết) đến năm 1991 chị cưới anh Lương Đình H vợ chồng chị được canh tác trồng sắn, đến năm 1997 vợ chồng chị được trồng thêm cây hồi, cây trám đen và cây mỡ (Theo dự án PAM của huyện phát cây cho gia đình chị để trồng). Quá trình vợ chồng chị canh tác, quản lý khu đất đó thì năm 1996 gia đình chị cũng đi kê khai nhưng chưa được cơ quan có thẩm quyền cấp cho giấy tờ gì nên hiện nay gia đình chị không có giấy tờ gì về khu đất đó. Đến cuối năm 2008 ông Dương Đức C đến tranh chấp đất với gia đình chị, ông Dương Đức C đã phát các cây do gia đình chị trồng, đến năm 2009 ông Dương Đức C đốt phá hết các cây cối do gia đình chị trồng gồm 120 cây hồi, có đường kính từ 02cm đến 8cm; 80 cây mỡ, có đường kính 14 cm; 15 cây trám đen có đường kính 10cm và 100 cây chè đã được thu từ lâu, sự việc đã được Ủy ban nhân dân xã Đồng Ý lập biên bản vào ngày 26/02/2009. Sau khi xảy ra tranh chấp, Ủy ban xã Đồng Ý, huyện Bắc Sơn đã yêu cầu các bên không ai được canh tác trong thời gian đang tranh chấp thì gia đình chị cũng không đến canh tác còn ông Dương Đức C đã mang cây mỡ và bạch đàn trồng xuống.

Hiện nay ông Dương Đức C yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị phải chấm dứt việc tranh chấp đối với diện tích đất 1866 m<sup>2</sup> thuộc một phần thửa đất số 162, tờ bản đồ 02 và bồi thường số tiền là 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng) do chị mức đất đào ao thì chị không nhất trí. Vì đất đang tranh chấp có nguồn gốc là đất của gia đình chị, gia đình chị đã canh tác quản lý sử dụng từ trước đến nay. Đối với yêu cầu đòi bồi thường chị cũng không nhất trí vì ao đã có từ đời bố chồng chị là ông Lương Đình M, việc chị mức đất (vét ao) chị đã xin phép Ủy ban nhân dân xã Đồng Ý bằng đơn nhưng xã không có văn bản nào trả

lời cho phép chị được vét ao mà chỉ trả lời bằng miệng. Gia đình chị chỉ vét ao đắp bờ chứ không đào đất ao mang đất đi bán, gia đình chị cũng không đào ao vào đất nhà ông Dương Đức C mà chỉ mức ở phần đất của gia đình.

Quá trình giải quyết vụ án chị đã có đơn yêu cầu hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Ủy ban nhân dân huyện Bắc Sơn ngày 28/02/2000 đã cấp cho ông Dương Đức C đối với thửa 337, tờ bản đồ 01, diện tích 10.000 m<sup>2</sup>. Tuy nhiên, sau khi giám định bản đồ kết luận diện tích đất tranh chấp 1866m<sup>2</sup> thuộc một phần thửa 162, tờ bản đồ 02 nằm trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Dương Đức C, nên chị xin rút toàn bộ yêu cầu Tòa án hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Ủy ban nhân dân huyện Bắc Sơn đã cấp cho ông Dương Đức C tại thửa 337, tờ bản đồ 01, diện tích 10.000m<sup>2</sup> vào ngày 28/02/2000.

Đối với những cây mà ông Dương Đức C đã chặt phá của gia đình chị gồm 120 cây hồi, có đường kính từ 02cm đến 8cm; 80 cây mỡ, có đường kính 14 cm; 15 cây trám đen có đường kính 10cm và 100 cây chè đã được thu từ lâu chị yêu cầu ông Dương Đức C phải bồi thường cho gia đình chị với tổng số tiền theo biên bản định giá tài sản ngày 25/9/2019. Hiện nay trên đất tranh chấp có 01 cây hồi và 26 cây chè là của gia đình chị trồng trước đó nhưng chị không yêu cầu được sở hữu mà nhất trí để ông Dương Đức C sở hữu các cây trên.

*Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phía nguyên đơn đều có ý kiến:* Việc tranh chấp đất giữa ông Dương Đức C với chị Trần Thị Y là do ông Dương Đức C quyết định, không có ý kiến, yêu cầu gì và đã ủy quyền toàn bộ cho ông Dương Đức C làm đại diện.

*Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phía bị đơn:* Điều có ý kiến yêu cầu như bị đơn chị Trần Thị Y và đều đã ủy quyền cho chị Trần Thị Y được thay mặt tham gia tố tụng và toàn quyền quyết định mọi vấn đề trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn, người đại diện ông Lộc Quang C trình bày:*

Thực hiện chủ trương giao đất lâm nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân sử dụng ổn định, lâu dài vào mục đích lâm nghiệp. Ủy ban nhân dân xã Đồng Ý đã triển khai thực hiện công tác đăng ký đất đai, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất lâm nghiệp trên địa bàn xã. Ngày 27/8/1999, ông Dương Đức C có đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất đối với thửa đất 337, tờ bản đồ 01, diện tích 10.000 m<sup>2</sup>. Căn cứ hồ sơ đề nghị của ông Dương Đức C sau khi đã được thực hiện đầy đủ các thủ tục hành chính cần thiết, được Ủy ban nhân dân xã xác nhận. Ngày 28/02/2000, Ủy ban nhân dân huyện Bắc Sơn đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số vào sổ cấp Giấy chứng nhận 0241.QSĐĐ cho ông Dương Đức C. Danh sách các chủ sử dụng đất đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận của thôn Lân Páng, xã Đồng Ý ngày 13/9/1999 (Trong đó có thửa 337, tờ bản đồ 01, diện tích 10.000 m<sup>2</sup> của ông Dương Đức C).

Những người làm chứng bà Hoàng Thị N, bà Lương Thị N, bà Lương Thị D, bà Lương Thị D có ý kiến: Về nguồn gốc đất tranh chấp giữa ông Dương Đức C và chị

Trần Thị Y, trước khi chưa xảy ra tranh chấp là của ông, cha nhà chồng chị Trần Thị Y canh tác, sau đó để lại cho vợ chồng chị, trên đất gia đình chị Trần Thị Y đã trồng các cây chè, trám ... Sau khi xảy ra tranh chấp ông Dương Đức C là người quản lý, sử dụng, các bà đều không có ý kiến gì về việc tranh chấp trên.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản tranh chấp. Kết quả xem xét thẩm định và định giá tài sản tranh chấp được xác định như sau: Đất tranh chấp nằm tại một phần thửa đất số 162, tờ bản đồ số 02, diện tích tranh chấp là 1866 m<sup>2</sup> (Thửa 162 có tổng diện tích 2360m<sup>2</sup>) trong đó có 1571m<sup>2</sup> là đất rừng sản xuất và 295m<sup>2</sup> là đất nuôi trồng thủy sản (ao). Diện tích còn lại là 494m<sup>2</sup> của thửa 162 là không có tranh chấp, hiện nay ông Dương Đức C đang quản lý và sử dụng. Thửa đất tranh chấp có các phía tiếp giáp (trong bản sơ họa thửa đất tranh chấp). Trên đất có các tài sản sau:

- Các cây do ông Dương Đức C trồng: Cây keo gồm: 14 cây. Cây mỡ gồm: 38 cây. Cây bạch đàn gồm: 06 cây. Cây trám gồm: 01 cây. Cây quýt gồm 01 cây. Cây quế gồm 01 cây. (Có kích thước cụ thể của từng loại cây).

- Các cây do chị Trần Thị Y trồng: 26 cây chè còn nhỏ và 01 cây hồi. (Có kích thước cụ thể của từng loại cây).

Ngoài ra trên đất tranh chấp còn có 04 gốc cây hồi có đường kính từ 15cm-20cm đã bị cắt hiện đã mọc chồi.

-Giá trị tài sản tranh chấp: Về đất: Có giá là 7.000 đồng/m<sup>2</sup>. Diện tích đất tranh chấp 1.866m<sup>2</sup> x 7.000 đồng = 13.062.000 đồng. Về tài sản trên đất: Tổng giá trị tài sản trên đất là 9.916.000 đồng. Tổng giá trị đất và tài sản trên đất là 22.978.000 đồng.

Ngoài ra Hội đồng định giá còn tiến hành định giá các tài sản do ông Dương Đức C đã chặt phá của gia đình chị Trần Thị Y theo Biên bản xác minh tranh chấp đất rừng ngày 26/02/2009 của Ủy ban nhân dân xã Đồng Ý, huyện Bắc Sơn gồm các tài sản sau:

120 cây hồi có đường kính từ 02cm-08cm có giá 375.000 đồng/cây x 120 cây = 45.000.000 đồng. 80 cây mỡ có đường kính 14cm có giá 75.000 đồng/cây x 80 cây = 6.000.000 đồng. 15 cây trám có đường kính 10cm có giá 230.000 đồng/cây x 15 cây = 3.450.000 đồng. 100 cây chè đã được thu hoạch có giá 105.000 đồng/cây x 100 cây = 10.500.000 đồng.

Tổng cộng giá trị các cây do ông Dương Đức C đã chặt phá và đốt của gia đình chị Trần Thị Y là 64.950.000 đồng.

Với nội dung như trên, bản án sơ thẩm số 07/2019/DS-ST ngày 21/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn đã tuyên.

Căn cứ Điều 1, 2 Luật Đất đai năm 1993; Điều 10 Luật Đất đai 2003; Điều 4, 26 Luật Đất đai năm 2013; Căn cứ Điều 357; 468; 584, 585, 589 Bộ luật Dân sự 2015; Căn cứ Điều 34; khoản 1 Điều 147; Điều 157; 158; khoản 1 Điều 160, 161, 162; 166; 244; 271 khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ điểm điểm đ khoản 1 Điều 12; a khoản 2 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14

ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

**1. Về quyền sử dụng đất:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Dương Đức C, ông Dương Đức C được quản lý và sử dụng diện tích đất 1866m<sup>2</sup>, thuộc một phần thửa 162, tờ bản đồ 02 Bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã Đồng Ý, huyện Bắc Sơn năm 2008. Thửa đất có hình ICDEGH có ranh giới tiếp giáp và kích thước các cạnh (Có sơ họa thửa đất kèm theo)

Ông Dương Đức C có nghĩa vụ kê khai, đăng ký đất đai biến động quyền sử dụng đất theo quy định của Luật Đất đai. Ông Dương Đức C được sở hữu toàn bộ tài sản trên đất (Gồm 63 cây keo, 50 cây mỡ, 08 cây bạch đàn, 01 cây trám, 01 cây quýt, 01 cây quế, 26 cây chè, 01 cây hời và 04 gốc cây hời).

**2. Về yêu cầu Bồi thường thiệt hại:** Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Dương Đức C, ghi nhận sự tự nguyện bồi thường của chị Trần Thị Y cho ông Dương Đức C số tiền 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng)

**3. Về việc hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất:** Đình chỉ yêu cầu Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bị đơn chị Trần Thị Y.

**4. Yêu cầu phản tố của bị đơn:** Chấp nhận yêu cầu phản tố buộc ông Dương Đức C phải bồi thường số tiền 64.950.000 đồng (Sáu mươi tư triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng). Số tiền này sẽ được bù trừ vào phần nghĩa vụ mà chị Trần Thị Y phải bồi thường cho ông Dương Đức C với số tiền là 2.000.000 đồng. Cụ thể, ông Dương Đức C còn phải bồi thường cho chị Trần Thị Y số tiền là 62.950.000 đồng (Sáu mươi hai triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng). Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng khác và lãi xuất chậm trả, quyền kháng cáo của các đương sự trong vụ án.

Trong hạn luật định ông Dương Đức C, kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm sửa một phần Bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn Trần Thị Y về việc bồi thường thiệt hại tài sản.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn ông Dương Đức C đã có thiện trí thỏa thuận và tự nguyện nhất trí trả cho chị Trần Thị Y một số tiền thấp hơn mức bồi thường của bản án sơ thẩm đã tuyên, vì tuổi cao sức yếu.

Bị đơn chị Trần Thị Y, cũng có thiện trí thỏa thuận và cho rằng; vì tình làng nghĩa xóm nên tự nguyện giảm một phần số tiền từ 62.950.000 đồng xuống còn 50.000.000 đồng. Nguyên đơn ông Dương Đức C cũng nhất trí và thỏa thuận tại phiên tòa phúc thẩm,

Ý kiến phát biểu quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa; Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Việc tuân theo pháp luật của nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan tại phiên tòa phúc thẩm thực hiện đúng quy định pháp luật. Đơn kháng cáo của ông Dương Đức C làm trong thời hạn luật định, nên kháng cáo là hợp lệ. Về quan điểm giải quyết vụ án: Tại phiên tòa các đương sự tự nguyện thỏa thuận với nhau là ông Dương Đức C trả cho chị Trần Thị Y số tiền là 50.000.000 đồng. Việc thỏa thuận của các bên đương sự là hoàn

toàn tự nguyện và không trái pháp luật, do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 300 và khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự sửa bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Tại phiên tòa vắng mặt những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan phía nguyên đơn, nhưng đều đã có ủy quyền cho nguyên đơn là ông Dương Đức C. Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan phía bị đơn, nhưng đều đã có ủy quyền cho bị đơn là chị Trần Thị Y. Những người làm chứng vắng mặt đã có lời khai lưu trong hồ sơ vụ án và đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ 2; ý kiến của nguyên đơn, bị đơn và Kiểm sát viên đề nghị xét xử vắng mặt họ. Hội đồng xét xử sau khi thảo luận tại chỗ, đã áp dụng Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự vẫn tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, nguyên đơn ông Dương Đức C và bị đơn chị Trần Thị Y đã tự nguyện thỏa thuận được với nhau về giải quyết toàn bộ các vấn đề cần giải quyết trong vụ án, cụ thể như sau: Ông Dương Đức C tự nguyện nhất trí trả cho chị Trần Thị Y số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng); chị Trần Thị Y cũng đồng ý với thỏa thuận và không yêu cầu ông Dương Đức C trả lãi. Về án phí sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm: Các bên thỏa thuận được với nhau là ông Dương Đức C phải chịu toàn bộ. Xét thấy, việc tự nguyện thỏa thuận của các bên đương sự là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 300 và khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 07/2019/DS-ST ngày 21/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

[3] Về ý kiến của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Ông Dương Đức C phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm. Tuy nhiên ông là người có công với Cách mạng và là người cao tuổi nên được miễn án phí theo điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng xét xử miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm cho ông Dương Đức C. Hoàn trả cho ông Dương Đức C số tiền 2.175.000 đồng, tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2015/0000185 ngày 04 tháng 7 năm 2019 và biên lai số AA/2015/0000246 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

Các quyết định khác của bản dân sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 300; khoản 2 Điều 308; Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14

ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 07/2019/DS-ST ngày 21/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn. Công nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự. Cụ thể như sau:

1. Ông Dương Đức C phải trả cho chị Trần Thị Y số tiền 50.000.000 đồng (mười triệu đồng); chị Trần Thị Y không yêu cầu ông Dương Đức C trả lãi. Kể từ khi chị Trần Thị Y có đơn yêu cầu thi hành án mà bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. **Về án phí:** Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm cho ông Dương Đức C. Hoàn trả cho ông Dương Đức C số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm là 2.175.000 đồng (Hai triệu một trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2015/0000185 ngày 04 tháng 7 năm 2019 và số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2015/0000246 ngày 28 tháng 11 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

3. Các quyết định khác của bản dân sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự người phải thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án quy định tại điều 6,7,9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- TAND huyện B, tỉnh Lạng Sơn;
- Chi cục THADS huyện B, tỉnh Lạng Sơn;
- Những người tham gia tố tụng;
- HCTP; P. KTNV&THA;
- Lưu: Hồ sơ, Tòa Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(đã ký)**

**Cao Đức Chiến**